

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ G  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2022/QĐST – DS

G, ngày 20 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA TẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thỏa Tận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 160/2022/TLST – DS ngày 26 tháng 4 năm 2022,

**XÉT THẤY:**

Các thỏa Tận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa Tận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa Tận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**I. Công nhận sự thỏa Tận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn:* Anh **Phạm D C**, sinh năm 1990

Địa chỉ: khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã G, tỉnh B.

- *Bị đơn:*

1. Anh **Phạm Xuân D**, sinh năm 1989

+ Địa chỉ: khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã G, tỉnh B.

2. Ông **Phạm Xuân T**, sinh năm 1960. Địa chỉ: khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã G, tỉnh B.

3. Bà **Vũ Thị T H**, sinh năm 1967. Địa chỉ: 680, Trần Hưng Đạo, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

(Anh Phạm Xuân D, ông Phạm Xuân T và bà Vũ Thị T H ủy quyền ông Sơn Chúc Phương, sinh năm 1990. Địa chỉ: số 144, đường 23/8, khóm 2, phường 7, thành phố B, tỉnh B).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh **Phạm Xuân B**, sinh năm 1987. Địa chỉ: khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã G, tỉnh B. Người đại diện theo ủy quyền ông Sơn Chúc Phương, sinh năm 1990. Địa chỉ: số 144, đường 23/8, khóm 2, phường 7, thành phố B, tỉnh B.

**II. Sự thỏa Tận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về thời gian giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Ngày 01/4/2020 và ngày 01/4/2022;

1. Phần đất tranh chấp các bên thống nhất, ông Phạm Xuân T và bà Vũ Thị T H có chuyển nhượng cho ông Phạm D C cụ thể:

1.1. Phần đất có số đo thực tế là  $73,5m^2$ , nằm trong một phần thửa 72, tờ bản đồ số 24, phần đất tọa lạc tại khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã G, tỉnh B, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G (Nay là thị xã G) cấp cho ông Phạm Xuân T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất số AL 204022, có tứ cạnh, cụ thể như sau:

+ Hướng Đông giáp: Phạm Xuân T, cạnh dài 16,31m;

+ Hướng Tây giáp: Vũ Quốc Thông (vợ Phạm Thị Mỹ Trâm), cạnh dài 16,37m;

+ Hướng Nam giáp: Quốc lộ 1A, cạnh dài 4,50m;

+ Hướng Bắc giáp: Phạm Xuân T, cạnh dài 4,50m.

1.2. Phần đất có số đo thực tế là  $252,9375m^2$ , nằm trong một phần thửa số 31, tờ bản đồ số 24, phần đất tọa lạc tại khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã G, tỉnh B, phần đất trên Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 01/4/2022 cho ông Phạm Xuân T, số ĐĐ 241128, cụ thể như sau:

+ Hướng Đông giáp: Phạm Xuân T, cạnh dài 26,62m;

+ Hướng Tây giáp: Trịnh Văn Ân, cạnh dài 26,63m;

+ Hướng Nam giáp: giáp với Vũ Quốc thông, cạnh ngang 5m và giáp với Phạm Xuân T cạnh cạnh ngang 4,50m;

+ Hướng Bắc giáp: đường công cộng rộng 2,50m, cạnh ngang 9,5m.

2. Công nhận một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, lập ngày 01 tháng 4 năm 2020, về việc ông Phạm Xuân T, bà Vũ Thị T H chuyển nhượng cho ông Phạm D C, phần đất có số đo thực tế là  $73,5m^2$ , nằm trong một phần thửa 72, tờ bản đồ số 24, phần đất tọa lạc tại khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã G, tỉnh B cấp cho ông Phạm Xuân T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất số AL 204022, có tứ cạnh, cụ thể như sau:

+ Hướng Đông giáp: Phạm Xuân T, cạnh dài 16,31m;

+ Hướng Tây giáp: Vũ Quốc Thông (vợ Phạm Thị Mỹ Trâm), cạnh dài 16,37m;

+ Hướng Nam giáp: Quốc lộ 1A, cạnh dài 4,50m;

+ Hướng Bắc giáp: Phạm Xuân T, cạnh dài 4,50m.

3. Công nhận một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, lập ngày 01 tháng 4 năm 2022, về việc ông Phạm Xuân T, bà Vũ Thị T H chuyển

nhượng cho ông Phạm D C, phần đất có số đo thực tế là 252,9375m<sup>2</sup>, nằm trong một phần thửa số 31, tờ bản đồ số 24, phần đất tọa lạc tại khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã G, tỉnh B, phần đất trên Sổ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 01/4/2022 cho ông Phạm Xuân T, số ĐĐ 241128, cụ thể như sau:

- + Hướng Đông giáp: Phạm Xuân T, cạnh dài 26,62m;
- + Hướng Tây giáp: Trịnh Văn Ân, cạnh dài 26,63m;
- + Hướng Nam giáp: giáp với Vũ Quốc thông, cạnh ngang 5m và giáp với Phạm Xuân T cạnh cạnh ngang 4,50m;
- + Hướng Bắc giáp: đường công cộng rộng 2,50m, cạnh ngang 9,5m.

4. Hủy bỏ Văn bản thỏa Tận về việc phân chia tài sản gia đình lập ngày 21/5/2016 về việc ông Phạm Xuân T, bà Vũ Thị T H tặng cho anh Phạm Xuân D phần đất có chiều ngang 4,5m, chiều dài 66,7m, nằm trong một phần thửa đất số 72, tờ bản đồ số 24, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 204022 cho ông Phạm Xuân T, phần đất tọa lạc tại khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã G, tỉnh B.

5. Hủy bỏ Văn bản chuyển nhượng diện tích đất ngày 30 tháng 3 năm 2020, về việc anh Phạm Xuân D chuyển nhượng cho anh Phạm D C, phần đất có chiều ngang 4,5m, chiều dài 66,7m, nằm trong một phần thửa đất số 72, tờ bản đồ số 24, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 204022 cho ông Phạm Xuân T, phần đất tọa lạc tại khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã G, tỉnh B.

6. Anh Phạm D C có quyền đến cơ quan Nhà nước chuyên môn có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

7. Đình chỉ toàn bộ đối với yêu cầu của anh Phạm Xuân D đòi anh Phạm D C trả số tiền 50.000.000đ.

8. Đình chỉ một phần yêu cầu của anh Phạm D C yêu cầu công nhận phần đất có chiều ngang là 4,5m giáp phần nhà sau anh C; chiều dài giáp Vũ Quốc Thông cạnh dài 50,33; chiều dài giáp Phạm Xuân T 50,39m, tổng diện tích là 226,7m<sup>2</sup>, phần đất nằm trong một phần thửa 72, tờ bản đồ số 24, địa chỉ phần đất tại khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã G, tỉnh B, phần đất được Ủy ban nhân dân huyện G (Đây là thị xã G) cấp ngày 12/12/2008 cho ông Phạm Xuân T, số AL 204022.

9. Chi phí tố tụng anh Phạm D C nộp 2.000.000đ ngày 27/4/2022 và 3.000.000đ ngày 05/5/2022 và 3.000.000đ ngày 01/6/2022 tại Tòa án nhân dân thị xã G, tổng cộng là 8.000.000đ. Đã chi phí hết 7.326.641 tiền hợp đồng và 900.000đ tiền xem xét thẩm định tại chỗ, tổng cộng là 8.226.641đ, số tiền trên anh C tự nguyện chịu, sau khi đối trừ anh Phạm D C phải nộp thêm là 226.641đ nộp tại Tòa án nhân dân thị xã G.

10. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch hòa giải thành là 300.000đ, anh D tự nguyện nộp và nộp thay cho ông Phạm Xuân T và bà Vũ Thị T H, anh D

đã dự nộp 1.250.000đ, lai T số 0004007, ngày 26/4/2022, sau khi đối trừ anh D nhận lại đủ 950.000đ nhận tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã G theo. Số tiền dự nộp 300.000đ, lai T số 0004008 ngày 26/4/2022 và 300.000đ, lai T số 0004087 ngày 01/6/2022 của anh Phạm D C tại chi Cục thi hành án dân sự thị xã G sẽ được hoàn lại đủ. Ông Phạm Xuân T, bà Vũ Thị T H và anh Phạm Xuân B không phải nộp tiền án phí.

**III.** Trong trường hợp thỏa Tận này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**IV.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B;
- VKSND thị xã G;
- THA thị xã G;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Phai**